

TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI CHÂU

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000040 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 24 tháng 04 năm 2000)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết số/ĐKNY do Giám đốc Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày thángnăm)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. Công ty Cổ phần Đại Châu

✓ Tổ 23, Cụm 4, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

Điện thoại:(84.4) 7194353 Fax: (84.4) 7183 635

2. Trụ sở chính Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - SSI

✓ Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 8242897 Fax: (84.8) 8247430

3. CN Nguyễn Công Trứ - Công ty Chứng khoán Sài Gòn

✓ 180-182 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1. HCM

ĐT: 08.821567 Fax: 08.2910590

4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

✓ 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (84.4) 9366 321 Fax: (84.4) 9366 318

✓ 25 Trần Bình Trọng, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (84.4) 9426 718 Fax: (84.4) 9426 719

5. Chi nhánh Công ty Chứng khoán Sài Gòn tại Hải Phòng

✓ 22 Lý Tự Trọng - quận Hồng Bàng - Hải Phòng
Điện thoại: 031.3569123 Fax: 031.3569130

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Phùng Thị Hương Chức vụ: Nhân viên Marketing
Số điện thoại: 04.7194353 Fax: 04.7183635

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI CHÂU



(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000040 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 24 tháng 04 năm 2000)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đại Châu

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng niêm yết: 2.000.000 cổ phiếu

Tổng giá trị niêm yết: 20.000.000.000 (tính theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tại Hà Nội

✓ 877 Đường Hồng Hà, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (04) 9324133 Fax: (04) 9324113

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

1. Trụ sở chính

✓ Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08-8242897 Fax: 08-8247430

Email: ssi@ssi.com.vn Website: www.ssi.com.vn

2. CN Nguyễn Công Trứ - Công ty Chứng khoán Sài Gòn

✓ 180-182 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: 08.821567 Fax: 08.2910590

3. CN Công ty Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

✓ 1C Ngô Quyền – Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: 04.9366321 Fax: 04.9366311

4. CN Trần Bình Trọng – Công ty Chứng khoán Sài Gòn

✓ 25 Trần Bình Trọng – Hoàn Kiếm – Hà Nội

ĐT: 04. 9426718 Fax: 04. 9426719

5. CN Hải Phòng - Công ty Chứng khoán Sài Gòn

✓ 22 Lý Tự Trọng - quận Hồng Bàng - Hải Phòng

ĐT: 031.3569123 Fax: 031.3569130

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	8
1. Rủi ro về kinh tế	8
2. Rủi ro về luật pháp	8
3. Rủi ro đặc thù ngành	8
4. Rủi ro về thị trường	8
5. Rủi ro về kinh doanh	9
6. Các rủi ro khác	9
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	10
1. Tổ chức niêm yết - Công ty Cổ phần Đại Châu	10
2. Tổ chức tư vấn - Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội (SSI)	10
III. CÁC KHÁI NIỆM	10
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	11
1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết	11
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	12
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty	15
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông	17
5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết	19
6. Hoạt động kinh doanh	19
6.1 Sản phẩm, dịch vụ chính	19
6.2 Sản lượng sản phẩm, dịch vụ qua các năm	20
6.3 Quy trình sản xuất sản phẩm	21
6.4 Nguyên vật liệu	21
6.5 Chi phí hoạt động kinh doanh	24
6.6 Trình độ công nghệ	24
6.7 Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới	25
6.8 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm	25
6.9 Hoạt động Marketing	27
6.10 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền	28
6.11 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	29

7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh-----	30
7.1	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2 năm gần nhất và 9 tháng năm 2007-----	30
7.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo -----	30
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành-----	31
8.1	Vị thế của Công ty Cổ phần Đại Châu trong ngành -----	31
8.2	Triển vọng phát triển của ngành -----	32
8.3	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, -----	32
9.	Chính sách đối với người lao động -----	32
9.1	Cơ cấu lao động trong Công ty -----	32
9.2	Chính sách đối với người lao động-----	33
9.3	Chính sách cổ tức -----	34
10.	Tình hình hoạt động tài chính -----	35
10.1	Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:-----	35
10.2	Giải trình sự chênh lệch giữa khoản mục lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong Báo cáo kết quả kinh doanh và trong khoản mục	
10.3	Thuyết minh báo cáo tài chính của Báo cáo tài chính năm 2006-----	40
11.	Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng -----	41
11.1	Hội đồng Quản trị -----	41
11.2	Ban Kiểm soát -----	46
11.3	Ban Giám đốc-----	48
12.	Tài sản -----	48
13.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2007-2009 -----	48
13.1	Phân tích SWOT-----	48
13.2	Mục tiêu chiến lược của Công ty -----	48
13.3	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức-----	48
14.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức -----	48
15.	Các thông tin, các tranh chấp, kiện tụng liên quan đến Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết-----	48
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT -----	48
1.	Loại chứng khoán -----	48
2.	Mệnh giá-----	48
3.	Tổng số chứng khoán niêm yết-----	48
4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết -----	48
5.	Phương pháp tính giá -----	48

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài-----	48
7. Các loại thuế có liên quan-----	48
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT -----	48
1. Tổ chức kiểm toán -----	48
2. Tổ chức tư vấn -----	48
VII. PHỤ LỤC-----	48

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Ngành chế biến gỗ Việt Nam đang phát triển với tốc độ rất nhanh trong những năm gần đây, vươn lên là một trong 7 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất cả nước, đưa Việt Nam trở thành một trong 4 quốc gia xuất khẩu hàng gỗ chế biến lớn nhất ở khu vực Đông Nam Á. Là một thành phần của nền kinh tế, ngành sản xuất, chế biến gỗ sẽ chịu ảnh hưởng và sự chi phối của tình hình kinh tế trong nước, và thế giới. Kinh tế phát triển, lạm phát và thất nghiệp được kiểm soát, thu nhập của người dân tăng thì mức tiêu thụ các sản phẩm gỗ sẽ tăng theo và ngược lại.

2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp thuộc hình thức Công ty Cổ phần, hoạt động của Công ty Đại Châu chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về hoạt động của Công ty Cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Trong những năm tới, nguồn nguyên vật liệu của Công ty, đặc biệt là nguồn nguyên vật liệu chính (các loại gỗ) sẽ phải chịu những biến động về giá cả. Giá cả nhập khẩu nguyên liệu tăng cao cộng thêm với khó khăn về vận tải và cước phí vận tải do giá xăng dầu không ổn định. Sự bất ổn định giá cả cũng có thể ảnh hưởng đến khả năng sản xuất của Công ty.

4. Rủi ro về thị trường

Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại Quốc tế WTO sẽ tạo ra cơ hội và thách thức đòi hỏi ngành sản xuất chế biến lâm sản phải gia tăng năng lực cạnh tranh, phát triển phù hợp tiêu chuẩn và thông lệ Quốc tế.

Việc mở cửa thị trường sẽ tạo ra áp lực cạnh tranh rất cao đối với những doanh nghiệp chế biến sản xuất các mặt hàng bằng gỗ hiện đang hoạt động. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với tiềm lực tài chính mạnh mẽ và phong cách quản lý hiện đại sẽ là những đối thủ cạnh tranh thực sự đối với các doanh nghiệp trong nước.

5. Rủi ro về kinh doanh

Mặc dù đồ gỗ là mặt hàng có tốc độ tăng trưởng nhanh nhưng thị phần của Việt Nam trên thị trường thế giới còn rất nhỏ bé. Điều này được lý giải bởi những hạn chế về năng lực sản xuất, công nghệ chế biến gỗ, khả năng tiếp thị, thâm nhập thị trường của các doanh nghiệp Việt Nam. Với hầu hết các doanh nghiệp chế biến gỗ của Việt Nam là doanh nghiệp vừa và nhỏ, nguồn tài chính còn hạn chế do đó việc đáp ứng được nhu cầu đổi mới công nghệ sản xuất còn gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, phần lớn lao động trong ngành chế biến lâm sản chưa qua đào tạo cơ bản, chủ yếu vẫn ở dạng phổ thông do đó năng suất lao động thấp.

Thêm vào đó nguồn nguyên liệu trong nước không đủ để đáp ứng được nhu cầu chế biến, do đó phần lớn nguyên liệu chế biến lâm sản phải nhập khẩu. Điều này ảnh hưởng rất nhiều đến lợi nhuận của các doanh nghiệp sản xuất đồ gỗ.

6. Các rủi ro khác

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, biến động giá cả, sự ảnh hưởng của những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết - Công ty Cổ phần Đại Châu

Ông **Đường Đức Hóa** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Ông **Nguyễn Đức Năng** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Bà **Nguyễn Thị Dân** Chức vụ: Kế toán trưởng

Bà **Trần Thị An** Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn - Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội (SSI)

Bà **Đỗ Thanh Hương** Chức vụ: Giám đốc chi nhánh

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Đại Châu. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- ❖ Tổ chức niêm yết : Công ty Cổ phần Đại Châu
- ❖ Công ty : Công ty Cổ phần Đại Châu
- ❖ SSI : Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội
- ❖ BCTC : Báo cáo tài chính
- ❖ CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- ❖ CTCP : Công ty cổ phần

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- Tên gọi Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI CHÂU**
- Tên giao dịch đối ngoại: **DAI CHAU JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **DAI CHAU JSC.,**
- Địa chỉ: **Tổ 23, Cụm 4, Phường Nhật Tân, Q. Tây Hồ, TP.Hà Nội**
- Điện thoại: **Điện thoại:(84.4) 7194353 Fax: (84.4) 7183 635**
- Email: **daichaujsc@yahoo.com**
- Website: **www.daichauwood.com**
- Logo:



- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng
- Phạm vi lĩnh vực hoạt động của Công ty bao gồm:
 - Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
 - Kinh doanh khách sạn; Dịch vụ ăn uống
 - Xây dựng dân dụng, giao thông;
 - Môi giới bất động sản (trừ đất đai);
 - Sản xuất chế biến lâm sản
 - Khai thác, chế biến khoáng sản;
 - Buôn bán thiết bị máy móc, vật tư ngành khoáng sản;
 - Dịch vụ giới thiệu việc làm cho người lao động;
 - Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Từ năm 2000 đến 2002

Công ty Cổ phần Đại Châu được thành lập ngày 24 tháng 04 năm 2000. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo giấy phép kinh doanh số 0103000040 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 24/4/2000 với số vốn điều lệ ban đầu là 8.100.000.000 đồng.

Năm 2001 Công ty tiến hành mở rộng quy mô nhà xưởng phục vụ sản xuất đồ gỗ cao cấp cung cấp cho thị trường nội địa và xuất khẩu sang Nhật Bản, Đài Loan.

Năm 2002 Công ty khởi công thực hiện dự án “Đầu tư mở rộng sản xuất hàng lâm sản xuất khẩu”. Dự án đi vào hoạt động tháng 6/2003 với tổng số vốn đầu tư là: 15.323.689.000 đồng. Dự án hoạt động ở các lĩnh vực: Sản xuất, kinh doanh hàng lâm sản xuất khẩu có mức xuất khẩu đạt giá trị trên 30% tổng giá trị hàng hoá sản xuất, kinh doanh của dự án trong năm tài chính.

Từ năm 2002 đến 2004

Năm 2004 Công ty mở văn phòng liên doanh - trung tâm giới thiệu sản phẩm với Công ty Hauxex - Nhật Bản tại VKO - Trung tâm triển lãm Giảng Võ - Hà Nội và văn phòng đại diện - trung tâm giới thiệu sản phẩm tại Osaka - Nhật Bản. Đồng thời, triển khai dự án “Đầu tư mở rộng sản xuất cửa hộp và khuôn theo công nghệ Nhật Bản”. Dự án hoàn thành và đưa vào hoạt động ngày 31 tháng 12 năm 2005 với tổng số vốn đầu tư là 6.110.000.000 (Sáu tỉ, một trăm mười triệu) đồng. Dự án đầu tư ở những lĩnh vực: sản xuất, kinh doanh hàng hoá có mức xuất khẩu đạt giá trị trên 30% tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu, kinh doanh của dự án

Quá trình tăng vốn điều lệ

Bảng 1: *Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty*

Thời gian	Vốn điều lệ (VNĐ)	Giá trị tăng (VNĐ)	Phương thức
24/4/2000	8.100.000.000		Góp vốn ban đầu
13/4/2007	20.000.000.000	11.900.000.000	Phát hành riêng lẻ cổ phiếu

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Châu)

Ngày 25/03/2007, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đại Châu đã thông qua kế hoạch phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty theo hình thức phát hành riêng lẻ từ 8,1 tỷ lên mức 20 tỷ đồng, trong đó:

- Phát hành ưu đãi cho CBCNV (53 cổ đông) 174.700 cổ phiếu (1.747.000.000 đồng mệnh giá) với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong đó:

Tiêu chí: CBCNV đã ký hợp đồng dài hạn với Công ty, có thời gian làm việc trên 12 tháng

- Cán bộ chủ chốt: 8 người với số lượng phát hành 166.500 cổ phiếu
 - Nhân viên: 45 người với số lượng phát hành 8.200 cổ phiếu
- Phát hành cho cổ đông hiện hữu (5 cổ đông) (không bao gồm phần mua ưu đãi của cán bộ công nhân viên) với tỷ lệ 2:1, tương đương với 405.000 cổ phiếu (4.050.000.000 đồng mệnh giá), với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.
 - Phát hành cho cổ đông bên ngoài (26 cổ đông) 610.300 cổ phiếu (6.103.000.000 đồng mệnh giá) với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong đó:
 - Tiêu chí: các cá nhân có mối quan hệ kinh doanh lâu dài và có khả năng đem lại lợi ích cho Công ty trong tương lai.
 - Số lượng cổ đông bên ngoài được mua cổ phần ưu đãi: 26 người

Đại hội cổ đông bất thường của Công ty vào ngày 02/04/2007 cũng đã thông qua việc bù trừ các khoản vay của Công ty đối với 5 cá nhân sang thành tiền đóng góp mua cổ phần bao gồm:

- Chuyển khoản cho vay 240.000.000 đồng của Bà Trần Thị Ánh Nguyệt sang thành tiền góp vốn mua cổ phần (tương đương với tiền đóng mua 24.000 cổ phần, giá mua 10.000 đồng/cổ phần);
- Chuyển khoản cho vay 344.069.000 đồng của Bà Nguyễn Thị Vinh sang thành tiền góp vốn mua cổ phần (tương đương với tiền đóng mua 34.406,9 cổ phần, giá mua 10.000 đồng/cổ phần);
- Chuyển khoản cho vay 40.000.000 đồng của Ông Nguyễn Đức Năng sang thành tiền góp vốn mua cổ phần (tương đương với tiền đóng mua 4.000 cổ phần, giá mua 10.000 đồng/cổ phần);
- Chuyển khoản cho vay 40.000.000 đồng của Ông Đường Ngọc Dũng sang thành tiền góp vốn mua cổ phần (tương đương với tiền đóng mua 4.000 cổ phần, giá mua 10.000 đồng/cổ phần);
- Chuyển khoản cho vay 3.100.000.000 đồng của Ông Đường Đức Hóa sang thành tiền góp vốn mua cổ phần (tương đương với tiền đóng mua 310.000 cổ phần, giá mua 10.000 đồng/cổ phần).

Nguồn vốn thu được từ đợt phát hành là 11.900.000.000 đồng được tài trợ cho Trung tâm giới thiệu và bán sản phẩm nội thất nhập khẩu từ Mỹ, Đức, Trung Quốc và mua sắm máy móc để mở rộng nhà máy hiện tại và chuẩn bị cho nhà máy sản xuất ván sàn xuất khẩu tại Đông Anh - Hà Nội.

Một số danh hiệu Công ty đã đạt được:

- Cúp vàng “thương hiệu và nhãn hiệu” Việt Nam 2007 ngày 15/07/2007.
- Cúp doanh nhân tâm tài 2007 ngày 15/07/2007.
- Nhận cúp vàng ISO ngày 11 tháng 10 năm 2006
- Nhận cúp vàng “Vì sự nghiệp phát triển cộng đồng” – ngày 16/07/2006.
- Huy chương vàng và chứng nhận danh hiệu hàng chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn quốc tế - Gỗ ván sàn do Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam cấp
- Huy chương vàng và chứng nhận danh hiệu hàng chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn quốc tế - Cửa gỗ do Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam cấp ngày 10 tháng 10 năm 2006.
- Bằng khen của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội – Đã có thành tích trong sản xuất kinh doanh, xây dựng phát triển doanh nghiệp, góp phần vào phong trào thi đua thành phố Hà Nội.
- Bằng khen của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

❖ **Trụ sở Công ty Cổ phần Đại Châu**

Tổ 23, Cụm 4, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

Điện thoại:(84.4) 7194353 Fax: (84.4) 7183 635

❖ **Văn phòng đại diện**

- Văn phòng đại diện và Trung tâm giới thiệu sản phẩm tại Mỹ

Địa chỉ: 11.44. Sompson NewYork City 10406 USA

Điện thoại: 0017186179356

- Văn phòng đại diện tại Trung Quốc

Địa chỉ: Số 302, Tầng 18V, phường Kim Quý, Chợ Tây, quận Đông Lý, Quảng Châu, Trung Quốc.

Điện thoại: 0086.2037226407

- Văn phòng đại diện và Trung tâm giới thiệu sản phẩm tại Nhật Bản

Địa chỉ: 3F Kitakagaya Bldg.2.11.8 Kitagaya Suminoe - Ku, Osaka 559 Japan

Điện thoại : 0081.06 686 1488 Fax: 0081.06 686 1477

❖ **Cửa hàng giới thiệu sản phẩm**

- Showroom 1: Số 612 - Đường Lạc Long Quân - Tây Hồ - Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 7192 489

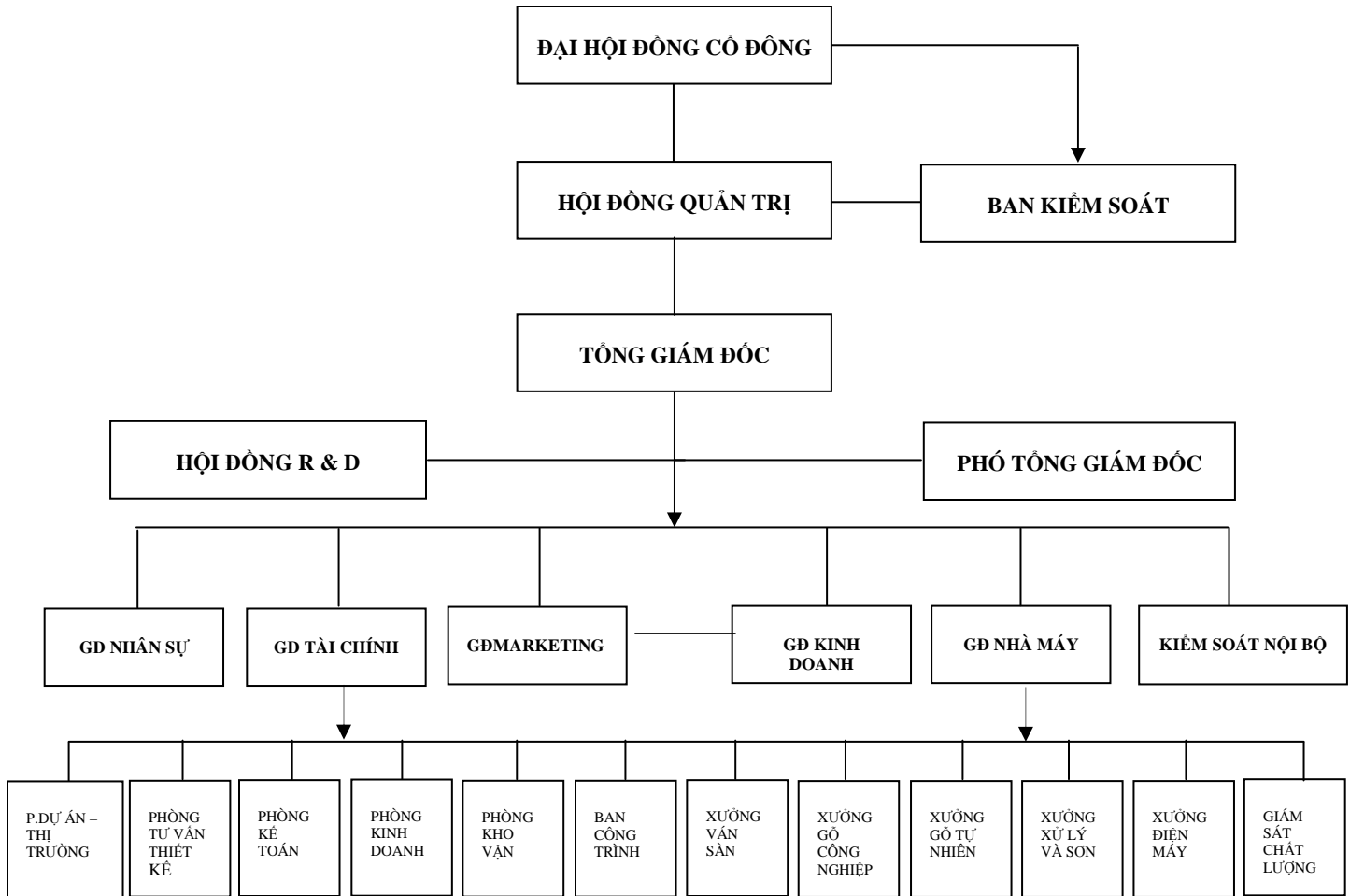
- Trung tâm giới thiệu và bán sản phẩm tại Hà Nội

Địa chỉ: Số 106 Đường Giảng Võ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.8234781

3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý Công ty được thể hiện trong sơ đồ dưới đây



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty Cổ phần Đại Châu, có toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Đại Châu, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. Hội đồng quản trị Đại Châu hiện có 05 người bao gồm 01 Chủ tịch HĐQT và 04 thành viên HĐQT. Cơ cấu Hội đồng Quản trị hiện tại như sau:

Ông Đường Đức Hóa

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

Ủy viên HĐQT

Ông Nguyễn Đức Năng	Ủy viên HĐQT
Ông Đường Ngọc Dũng	Ủy viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Dân	Ủy viên HĐQT

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc bao gồm 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc, do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại như sau:

Ông Đường Đức Hóa	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Năng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Cơ cấu Ban Kiểm soát hiện tại như sau:

Bà Trần Thị An	Trưởng ban
Bà Đặng Thanh Nga	Thành viên
Bà Đường Lan Phương	Thành viên

Hội đồng R&D (Nghiên cứu và phát triển):

Hội đồng R&D chuyên nghiên cứu, thẩm định, phê duyệt chiến lược đầu tư và phát triển của Công ty, bao gồm các thành viên: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc kinh doanh, Giám đốc tài chính, GD nhân sự, GD nhà máy và chuyên gia tư vấn.

Kiểm soát nội bộ

Kiểm soát nội bộ giám sát và kiểm tra hoạt động của các bộ phận nhằm đảm bảo hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất và kinh doanh. Đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ theo quy chế của Công ty và pháp luật.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập (thời điểm 22/10/2007)

TT	Cổ đông sáng lập	Tỷ trọng vốn góp (%)	Vốn góp (đồng)	Số cổ phần phổ thông
1	Đường Đức Hoá Địa chỉ: 40 Phạm Huy Thông – Ngọc Khánh – HN	21%	4.200.000.000	420.000
	Tổng cộng	21%	4.200.000.000	420.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Châu)

Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm 5% vốn cổ phần trở lên (thời điểm 22/10/2007)

TT	Cổ đông nắm 5% vốn cổ phần trở lên	Giấy phép ĐKKD/Số CMT	Tỷ trọng vốn góp (%)	Vốn góp (đồng)	Số cổ phần
1	Đường Đức Hoá 40 Phạm Huy Thông – Ngọc Khánh – HN	011604166	21%	4.200.000.000	420.000
2	Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI) 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	056679	9,9%	1.980.000.000	198.000
3	Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI 1C Ngô Quyền – Hà Nội	0103014823	15%	3.000.000.000	300.000
4	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI 1C Ngô Quyền - Hà Nội	19/UBCK-GP	5,1%	1.020.000.000	102.000
5	Trần Thị Ánh Nguyệt 40 Phạm Huy Thông - Ngọc Khánh - Hà Nội	011123313	9,12%	1.824.000.000	182.400
	Tổng		60,12%	12.024.000.000	1.202.400

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Châu)

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 22/10/2007 như sau:

Bảng 4: Cơ cấu vốn điều lệ Công ty (thời điểm 22/10/2007)

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sáng lập	1	420.000	4.200.000.000	21
2	Cổ đông phổ thông	120	1.580.000	15.800.000.000	79
	Tổng	121	2.000.000	20.000.000.000	100
1	Cổ đông Nhà nước	0	-	-	-
2	Cán bộ công nhân viên	51	651.700	6.517.000.000	32,585
3	Cổ đông bên ngoài	70	1.348.300.000	13.483.000.000	67,415
	Tổng	121	2.000.000	20.000.000.000	100
1	Cổ đông trong nước	121	2.000.000	20.000.000.000	100
2	Cổ đông nước ngoài	0	-	-	-
	Tổng	121	2.000.000	20.000.000.000	100
1	Cổ đông tổ chức	4	620.000	6.200.000.000	31
2	Cổ đông cá nhân	117	1.380.000	13.800.000.000	69
	Tổng	121	2.000.000	20.000.000.000	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Châu)

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Công ty không có quyền kiểm soát hoặc nắm cổ phần chi phối đối với Công ty khác.

Công ty không có Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Sản phẩm, dịch vụ chính

Các sản phẩm chính của Công ty bao gồm: khung cửa, cánh cửa, cầu thang, ván sàn trong và ngoài nhà, đồ gỗ nội thất như: giường, tủ, bàn, ghế, bếp ăn ... Công ty thường xuyên thực hiện các dự án văn phòng cao cấp, khách sạn cao cấp và các khu chung cư cao cấp như: CIPUTRA – Nam Thăng Long, công trình số 5 Nguyễn Chí Thanh, khu biệt thự Nam Thăng Long, khu biệt thự Linh Đàm, khu biệt thự Định Công, Building 77-79 Lý Thường Kiệt, Khách sạn EDEN ... và xuất khẩu sản phẩm đi các nước như Nhật, Mỹ, Đức, Đài Loan v..v

6.2 Sản lượng sản phẩm, dịch vụ qua các năm

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu của Công ty qua các năm (2005 – Quý III/2007)

Đơn vị: triệu đồng

Tiêu chí	2005		2006		9 tháng 2007	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ Trọng
- Xuất khẩu	4.946	41%	3.856	34%	403	3%
+ Ván sàn	4.946	41%	3.856	34%	403	3%
- Nội địa	7.189	59%	7.439	66%	15.191	97%
+ Ván sàn	2.875	25%	2.975	26%	5.923	38%
+ Giường, tủ, bàn ghế	2.157	17%	2.232	20%	4.639	30%
+ Cửa, cầu thang	2.157	17%	2.232	20%	4.629	29%
Tổng	12.135	100%	11.295	100%	15.594	100%

(Nguồn: BCTC có kiểm toán 2005, 2006 và BCTC 9 tháng năm 2007 của Công ty)

Năm 2005 và 2006 do công trình trạm điện bị đình trệ không đảm bảo được nguồn điện để phục vụ sản xuất nên công suất chỉ đạt 35% và làm giảm doanh thu của Công ty. Sang đầu năm 2007 trạm điện đi vào hoạt động bình thường nên công suất hoạt động tăng hơn 2 lần.

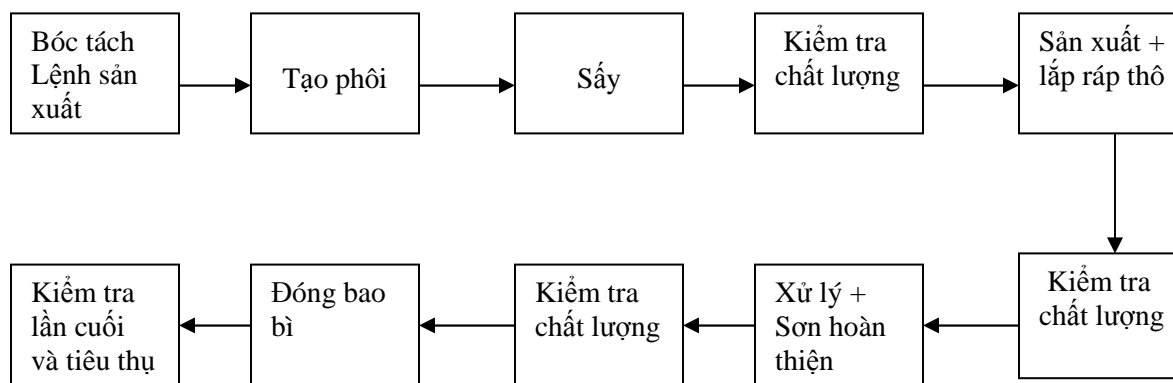
Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận của Công ty qua các năm (2005 – Quý III/2007)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Sản phẩm	2005		2006		9 tháng 2007	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ Trọng
	Xuất khẩu	230	41%	433	34%	67	3%
	- Ván sàn	230	41%	433	34%	67	3%
	Nội địa	332	59%	840	66%	2.176	97%
	- Ván sàn	134	23%	336	26%	876	39%
	- Giường, tủ, bàn ghế	99	18%	252	20%	653	29%
	- Cửa, cầu thang	99	18%	252	20%	647	29%
	Tổng	562	100%	1.273	100%	2.243	100%

(Nguồn: BCTC có kiểm toán 2005, 2006 và BCTC 9 tháng năm 2007 của Công ty)

6.3 Quy trình sản xuất sản phẩm



Trong quá trình sản xuất sản phẩm của Công ty, khâu kiểm tra chất lượng luôn được tiến hành thường xuyên và được quan tâm nhất vì nó quyết định chất lượng sản phẩm khi đưa ra thị trường tiêu thụ.

6.4 Nguyên vật liệu

a. Nguồn nguyên vật liệu chính

Nguyên liệu chính cho các sản phẩm của Công ty là gỗ cao cấp. Tùy theo yêu cầu của khách hàng, chủng loại gỗ được sử dụng rất đa dạng, bao gồm pơmu, giáng hương, teak, lim, sồi, dổi... có xuất xứ Lào, Myanma, Nam Phi, Nga, Mỹ và trong nước.

Bảng 7: Đơn giá các chủng loại vật liệu chính trong thời kỳ 2005 – 2006

TT	Loại vật liệu	Đơn vị	Đơn giá bình quân	
			2005	2006
1	Gỗ Lim	M3	12.500.000	14.000.000
2	Gỗ Hương	M3	15.500.000	18.000.000
3	Gỗ Dổi	M3	9.580.000	10.500.000
4	Gỗ Căm xe	M3	10.500.000	11.500.000
5	Gỗ Sồi	M3	8.200.000	8.500.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Châu)

Do giá nguyên vật liệu đầu vào trong nước luôn biến động nên Công ty không ký dài hạn với nhà cung ứng mà chỉ ký theo hợp đồng ngắn hạn. Vì vậy Công ty đã chủ động trong việc cân đối chi phí, doanh thu và lợi nhuận. Tuy nhiên để phục vụ cho mảng xuất khẩu, Công ty Đại Châu đã ký

hợp đồng dài hạn về cung cấp gỗ với 2 nhà cung cấp lớn ở Mỹ là West Point Veneer, L.L.C theo HĐ 09-2007/DC-WPV và Caruso INC theo HĐ 09-2007/DC-CARUSO do ở Mỹ giá cả ít biến động, tương đối ổn định.

Bảng 8: *Danh sách một số nhà cung cấp nguyên liệu chính*

TT	Nhà cung cấp	Nước
1	Công ty TNHH Thương Mại – Lâm sản Hoàng Anh	Việt Nam
2	Công ty TNHH Dũng Hoa	Việt Nam
3	Công ty Công nghiệp Thương Mại Quảng Bình	Việt Nam
4	Công ty Thương Mại Lâm Sản Quảng Bình	Việt Nam
5	Công ty Lam Hồng	Việt Nam
6	Công ty TNHH Lương Sơn	Việt Nam
7	Caruso Inc.	Mỹ
8	West Point Veneer, L.L.C	Mỹ

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Châu)

b. Nguồn nguyên vật liệu phụ

Bao gồm các sản phẩm trong danh mục dưới đây

Bảng 9: Danh mục nguyên vật liệu phụ và xuất xứ.

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Xuất xứ
1	Keo Konybond	Thùng	Công ty keo Phú Mỹ
2	Xúc tác	Thùng	-nt-
3	Vải Cosglow	M	Công ty Cỏ May
4	Vải Calendra	M	-nt-
5	Vải Tessa	M	-nt-
6	Mờ UV 339 Tongjou	Thùng	Công ty liên doanh Tongjou
7	Lót UV 105	Thùng	-nt-
8	Xăng UV	Lít	-nt-
9	Xăng 16:01	Lít	Công ty TNHH Vạn Lộc
10	Xăng 16:03	Lít	-nt-
11	Bột bả 32:08:1002	Kg	-nt-
12	Lót 10:08	Kg	-nt-
13	Cứng 30:08B	Kg	-nt-
14	Bóng PUM	Kg	-nt-
15	Bao bì 1820x90x15	M2	Công ty bao bì Hà Thành
16	TM vàng CDY:300	Kg	Công ty Xuyên Việt
17	TM đen CDY:700	Kg	-nt-
18	Tay đĩa Inox 10F	Hộp	Cửa hàng kim khí Hạnh
19	Tay đĩa Inox 15F	Cái	Cường
20	Tay nắm tủ 1910 (2207)-96	Cái	-nt-
21	Khoá tủ	Chiếc	-nt-
22	Tay đĩa Inox 20F	Cái	-nt-
23	Tay đĩa phi 10x100	Cái	-nt-
24	Núm Inox	Chiếc	-nt-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Châu)

6.5 Chi phí hoạt động kinh doanh

Bảng 10: Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2005 - Quý III/2007

Đơn vị: triệu đồng

Chi phí	Năm 2005		Năm 2006		9 tháng đầu năm 2007	
	Gía trị	% DT	Gía trị	% DT	Gía trị	% DT
Giá vốn hàng bán	8.393	69,17	6.510	57,64	9.943	64
Chi phí tài chính	1.485	12,24	1.757	15,56	1.091	7,0
Chi phí bán hàng	554	4,57	405	3,59	480	3,1
Chi phí QLDN	901	7,43	762	6,75	960	6,2
Tổng cộng	11.333		9.434		12.474	

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2005, 2006 và BCTC 9 tháng năm 2007 của Công ty)

Chi phí giá vốn của năm 2006 giảm do công trình trạm điện bị đình trệ làm giảm sản lượng sản xuất của Công ty.

6.6 Trình độ công nghệ

Để sản xuất các sản phẩm đồ gỗ cao cấp bao gồm gỗ tự nhiên và gỗ công nghiệp phục vụ nhu cầu của khách hàng, Công ty Đại Châu đã đầu tư một hệ thống máy móc, trang thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến với hơn 200 máy nhập khẩu từ Nhật Bản, Ý và Đài Loan.

Bảng 11: Danh mục một số máy móc thiết bị chủ yếu của Công ty

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị	Số lượng	Năm sản xuất	Tổng công suất KW	Xuất xứ
1	Máy bào 4 mặt, 6 trục	Cái	1	2001	46 kw/h	Nhật Bản
2	Máy phay lỗ khoá CNC	Cái	1	2005	12,8 kw/h	Nhật Bản
3	Máy dán cạnh	Cái	1	2005	7,5 kw/h	Nhật Bản
4	Máy chà nhám 60 cm	Cái	2	2002	6,5 kw/h	Đài Loan
5	Giàn sấy 3 giàn	Cái	1	2002	9,5 kw/h	Đài Loan
6	Hệ thống máy hút bụi	Cái	1	2002	11 kw/h	Đài loan
7	Máy chà nhám gỗ	Cái	1	2003	12,2 kw/h	Đài loan
8	Máy chép hình làm bàn tròn	Cái	1	2006	12 kw/h	Đài Loan
9	Máy ép mặt phẳng	Cái	2	2005	2,2 kw/h	Nhật
10	Máy bào 02 mặt	Cái	1	2005	9,5 kw/h	Nhật
11	Máy ép mặt phẳng 4 thớt	Cái	1	2005	2,5 kw/h	Nhật
12	Máy cắt đầu ván	Cái	2	2005	8,5 kw/h	Đài Loan
13	Máy cắt góc	Cái	1	2005	5,5 kw/h	Nhật

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Châu)

6.7 Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà hội nhập cùng nền kinh tế thế giới, do đó đời sống của người dân ngày càng được nâng cao, đặc biệt là ở những thành thị lớn như TP.Hồ Chí Minh, Hà Nội. Vì thế, nhu cầu sử dụng đồ gỗ cao cấp của các khách sạn, khu dân cư là rất lớn đặc biệt là đồ gỗ tự nhiên. Hiện nay, Công ty đang lên phương án nghiên cứu và phát triển mẫu mã các sản phẩm như khuôn cửa, cánh cửa, bàn, ghế, giường, tủ,... sản phẩm ván sàn công nghiệp mới và cửa chống cháy cao cấp để đưa ra thị trường trong thời gian tới.

6.8 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Công ty đã xây dựng Bộ phận quản lý chất lượng sản phẩm và một hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm hoạt động độc lập theo từng công đoạn xuyên suốt từ khâu nhận hợp đồng,

tổ chức sản xuất đến giao hàng để đảm bảo ổn định và ngày càng nâng cao chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng. Bộ phận này có nhiệm vụ quản lý phòng Lab (kiểm nghiệm), thực hiện kiểm nghiệm toàn bộ từ nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm ở các phân xưởng sản xuất và kho dựa trên tiêu chuẩn sản xuất đã ban hành và áp dụng tại Công ty. Đồng thời, Bộ phận này cũng chịu trách nhiệm thiết lập và quản lý hệ thống đảm bảo chất lượng phù hợp với yêu cầu ISO, đảm bảo mọi sản phẩm của Công ty khi đưa ra thị trường phù hợp với yêu cầu về mặt chất lượng. Bộ phận chủ trì việc phối hợp các bộ phận có liên quan để xử lý và quyết định những vấn đề liên quan về:

- ✓ Kiểm nghiệm thiết bị, dụng cụ sản xuất và kiểm nghiệm.
- ✓ Đánh giá nhà cung cấp, nguyên vật liệu chính và các phụ liệu đưa vào.
- ✓ Điều tra xử lý sự cố
- ✓ Kiểm tra môi trường
- ✓ Đào tạo huấn luyện
- ✓ Thu hồi, tái chế, thanh lý sản phẩm, nguyên phụ liệu bao bì.
- ✓ Xem xét khiếu nại khách hàng
- ✓ Tự kiểm tra

Ngoài ra, tất cả các sản phẩm xuất xưởng đều phải qua khâu kiểm tra chất lượng tại bộ phận kiểm tra chất lượng.

Hiện tại Công ty đã được chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000-2001.

Yêu cầu chung

Công ty Đại Châu hiện đang duy trì và cải tiến một hệ thống quản lý chất lượng bằng văn bản phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Cụ thể:

- ✓ Xác định các quá trình cần thiết cho hệ thống quản lý chất lượng và triển khai áp dụng cho tất cả các bộ phận.
- ✓ Xác định trình tự và tác động qua lại của các quá trình này.
- ✓ Đề ra chuẩn mực và biện pháp giám sát để đảm bảo thực hiện và kiểm soát các quá trình này một cách có hiệu quả.
- ✓ Đảm bảo sẵn có các nguồn lực và thông tin cần thiết để hỗ trợ cho các hoạt động và giám sát các quá trình này.

- ✓ Đánh giá, giám sát và phân tích các quá trình.
- ✓ Thực hiện các hành động cần thiết để đạt được các kết quả đã định và cải tiến liên tục các quá trình này.

Các văn bản của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000

- ✓ Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng.
- ✓ Sổ tay chất lượng:
- ✓ Các quy trình theo yêu cầu của tiêu chuẩn và để đảm bảo kiểm soát hoạt động của Công ty một cách có hiệu quả.
- ✓ Hồ sơ chất lượng.

Yêu cầu về kiểm soát tài liệu

- ✓ Phê duyệt nhằm đảm bảo tính đầy đủ và chính xác của tài liệu trước khi ban hành.
- ✓ Xem xét và cập nhật khi cần thiết.
- ✓ Đảm bảo những thay đổi và tình trạng sửa đổi hiện hành của tài liệu được xác định.
- ✓ Đảm bảo các tài liệu thích hợp sẵn có tại nơi cần thiết.
- ✓ Đảm bảo các tài liệu có nguồn gốc từ bên ngoài được xác định và kiểm soát.
- ✓ Ngăn ngừa việc sử dụng vô tình các tài liệu lỗi thời và có các dấu hiệu nhận biết thích hợp nếu chúng được giữ lại.

Các hồ sơ yêu cầu bởi hệ thống quản lý chất lượng sẽ được thu thập và bảo quản để cung cấp bằng chứng về sự phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn và kiểm soát một cách có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng.

Các hồ sơ chất lượng được lưu giữ với nguyên tắc dễ thấy, dễ lấy khi cần thiết. Công ty xây dựng quy trình bằng văn bản để quản lý việc nhận biết, lưu trữ, bảo quản, sử dụng và hủy bỏ các hồ sơ chất lượng.

6.9 Hoạt động Marketing

Chính sách sản phẩm

- Chọn lựa các sản phẩm là ưu thế của Công ty; luôn cải tiến kiểu dáng, mẫu mã sản phẩm tạo sự đa dạng và phong phú với giá cả hợp lý.
- Quản lý, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ từng công đoạn và có kế hoạch sản xuất hợp tác.

- Luôn lắng nghe mọi ý kiến đóng góp của khách hàng để sản xuất ra những sản phẩm mang các sắc màu văn hoá khác nhau nhằm đem đến khách hàng sự thoả mãn tối đa về sản phẩm.

Chính sách khách hàng

Sản phẩm của Đại Châu là sản phẩm cao cấp vì thế đối tượng khách hàng của Công ty là các hộ gia đình, chung cư, các khách sạn, nhà hàng cao cấp và thị trường nước ngoài.

Chính sách giá

Công ty giảm giá cho các đơn hàng với khối lượng lớn, thanh toán nhanh, ít chủng loại sản phẩm trong một đơn đặt hàng; khách hàng thân quen.

Chính sách khuyến trương, quảng cáo, tài trợ

Công ty Đại Châu có 2 Showroom trưng bày và giới thiệu sản phẩm tại 612 Lạc Long Quân và gian số 190, tầng 2, nhà A - Trung tâm Mê Linh Plaza. Công ty có văn phòng giao dịch tại Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, và tại 106 Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện quảng cáo trên truyền hình VTV1, VTV3 và Đài tiếng nói Việt Nam. Hiện tại, Đại Châu đang có kế hoạch quảng bá sản phẩm của mình trên báo chí và Internet.

Công ty thường xuyên tham gia các hội trợ, triển lãm để giới thiệu sản phẩm. Song song với chính sách này, Đại Châu thực hiện hoạch định về tài chính để thực hiện việc hỗ trợ bán hàng cũng như chính sách quan hệ và hợp tác.

Quá trình triển khai, thực hiện chính sách Marketing

Bộ phận trực thuộc phòng kinh doanh giữ vai trò chính trong quá trình triển khai và thực hiện chính sách Marketing, cùng với sự hỗ trợ của tất cả các phòng ban khác trong Công ty.

Quy trình hoạt động:

- Tổ chức xây dựng kế hoạch và tiến hành nghiên cứu thị trường sản phẩm đồ gỗ với đối tượng khách hàng là các hộ gia đình, các chung cư và khách sạn cao cấp,
- Tìm kiếm nguồn gỗ đầu vào phục vụ cho sản xuất,
- Xây dựng chiến lược quảng cáo, quảng bá sản phẩm,
- Tìm hiểu sản phẩm chiến lược của các doanh nghiệp sản xuất đồ gỗ cao cấp

6.10 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền

Nhãn hiệu thương mại



Công ty đã đăng ký tên miền: www.daichauwood.com.vn;

6.11 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 12: Các hợp đồng lớn đã thực hiện

Đơn vị: Triệu đồng

T T	Tên khách hàng	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Thời hạn hoàn thành HĐ	Chủng loại sản phẩm cung cấp	Giá trị hợp đồng
1	Công ty CPXD Lạc Hồng	16/06/HĐ/ĐC	05/04/06	7/5/07	Đồ gỗ nội thất	2.313
2	Công ty TNHH Hoà Bình	42/06/HĐ/ĐC 19/07/HĐ/ĐC 96/06/HĐ/ĐC 03/06/PLHĐ 02/06/PLHĐ	18/05/06 24/04/07 24/10/06 03/10/06 03/10/06	24/10/06 26/07/07 24/10/06 24/10/06 24/10/06	Đồ gỗ nội thất	1.372
3	Công ty TNHH Cường Hồng	79/06/HĐ/ĐC	26/07/06	12/2/07	Đồ gỗ nội thất	2.171
4	Công ty TNHH Ladeco	01/PLHĐ/ĐC 12/05/HĐKT	26/12/05 16/12/05	20/3/07 20/3/07	Bàn ghế, đồ nội thất, gỗ thành khí, cửa gỗ các loại	2.727
5	Công ty TNHH Hồng Nhựt	01/07HĐ/ĐC	12/01/07	14/6/07	Đồ nội thất	957
6	Công ty XD và CN - Sở XD Hà Nội	29/07HĐKT	06/05/07	28/9/07	Đồ gỗ nội thất	263
7	46A Tầng Bạt Hồ, Hà Nội	113/06/HĐ/ĐC	02/01/07	8/10/07	Đồ gỗ nội thất	386
8	Công ty TNHH TM & DVDL KINGLY	37/07/HĐ/ĐC	12/07/07	4/8/07	Đồ gỗ nội thất	293

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Châu)

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2 năm gần nhất và 9 tháng năm 2007

Bảng 13: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn 2005 – Quý III/2007

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2005	2006		9 tháng 2007
	Giá trị	Giá trị	% tăng (giảm) so với 2005	Giá trị
Tổng tài sản	33.151	36.151	9,05	47.349
Doanh thu thuần	12.135	11.295	-6,92	15.594
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	826	1.870	126,39	3.121
Lợi nhuận khác	31	-25	-180,65	-5
Lợi nhuận trước thuế	857	1.845	115,29	3.116
Lợi nhuận sau thuế	562	1.273	126,51	2.243
Tỷ lệ cổ tức (%)	7%	12%		

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2005, 2006, BCTC 9 tháng năm 2007 của Công ty)

Trong năm 2006, trạm điện ngừng hoạt động làm giảm sản lượng do đó làm giảm doanh thu. Do Công ty vẫn còn nguồn nguyên vật liệu đầu vào còn tồn từ năm 2004 và 2005 với giá rẻ, trong khi giá bán sản phẩm năm 2006 cao hơn năm 2005 từ 25% đến 30% nên mặc dù doanh thu năm 2006 thấp hơn năm 2005 nhưng lợi nhuận vẫn tăng cao so với năm 2005.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Thuận lợi

Trình độ tay nghề và công nghệ cải tiến

Trong thời gian qua Công ty không ngừng đầu tư vào đào tạo tay nghề cho công nhân nhằm đáp ứng với máy móc công nghệ, dây chuyền sản xuất hiện đại, và Công ty cũng mời chuyên gia về đào tạo đội ngũ quản lý từ cấp phó quản đốc phân xưởng trở lên.

Máy móc công nghệ, Công ty nhập bổ sung thêm các máy móc công nghệ tiên tiến từ Ý, Nhật như: Máy khoan lỗ khoá CNC của Nhật Bản, máy khoan mộng âm dương của Ý ...nhằm đáp ứng với các hợp đồng lớn và làm giảm chi phí sản xuất.

Thương hiệu của Công ty trên thị trường

Thương hiệu “ Đồ gỗ Đại Châu” là một trong những thương hiệu mạnh trên thị trường Việt Nam. Do chất lượng và uy tín của sản phẩm nên sản phẩm của Công ty được nhiều khách hàng trong và ngoài nước ưa dùng. Công ty cũng rất chú trọng đến việc phát triển thương hiệu của sản phẩm thông qua các phương tiện truyền thông như truyền hình, báo chí và Internet. Công ty đón nhận nhiều bằng khen và cúp vàng như: “Cúp vàng thương hiệu Việt Nam”, cúp vàng ISO Sự thành công của thương hiệu của Đại Châu giúp Công ty ký kết được các hợp đồng xuất khẩu với giá trị lớn và với giá bán cao hơn. Công ty mở thêm văn phòng đại diện tại Nhật Bản, Mỹ và sắp tới sẽ mở tại Slovakia, Trung Quốc và Thái Lan nhằm nâng cao vị thế của Công ty Đại Châu trên trường Quốc tế.

Khó khăn:

Hệ thống điện phục vụ sản xuất chưa hoàn thiện

Giảm sút doanh thu của năm 2006 so với năm 2005 là do năm 2006 công trình trạm điện bị đình trệ, nhà máy không đảm bảo được nguồn điện để phục vụ sản xuất nên công suất sản xuất chỉ đạt 35%. Cho tới thời điểm 31/12/2006 Công ty mới hoàn thành công trình trạm điện nên công suất những tháng đầu năm 2007 đó tăng lên gấp hơn 2 lần so với cùng kỳ năm 2006.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty Cổ phần Đại Châu trong ngành

Các sản phẩm như cửa chống cháy, sàn gỗ tự nhiên, cửa hộp, đồ gỗ nội thất gia đình ... của Công ty được khách hàng đánh giá cao nhờ chất lượng sản phẩm bảo đảm, mẫu mã đẹp và giá cả cạnh tranh. Hơn nữa, do thị trường đồ gỗ nội thất cao cấp cầu đang vượt cung nên các sản phẩm của Công ty sản xuất ra đều được tiêu thụ nhanh.

Hiện nay thị phần của Công ty còn tương đối nhỏ trên thị trường do vốn đầu tư ban đầu không lớn. Tuy nhiên, với kinh nghiệm và uy tín về cung cấp sản phẩm đồ gỗ nội thất cao cấp ở thị trường Hà Nội nói riêng và thị trường Việt Nam nói chung và các kế hoạch đầu tư trong tương lai, Công ty sẽ phát triển vững mạnh hơn trong thời gian tới.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Ngành đồ gỗ nội thất cao cấp là một trong những ngành đang phát triển rất nhanh với mức cầu của thị trường không ngừng tăng nhằm đáp ứng với tốc độ tăng trưởng cao của nền kinh tế.

Là một quốc gia đang phát triển, Việt Nam thu hút được rất nhiều nhà đầu tư lớn trên thế giới đầu tư vào nhiều lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế, trong đó có các lĩnh vực khách sạn, khu chung cư cao cấp, khu văn phòng cao cấp. Chỉ tính riêng địa bàn Hà Nội có rất nhiều khách sạn 5 sao được quy hoạch, nhiều khu căn hộ cao cấp được cấp phép và tiến hành đầu tư, nhiều toà nhà văn phòng cao cấp vừa được khởi công xây dựng. Sự phát triển của thị trường này là bàn đạp cho sự gia tăng không ngừng đối với nhu cầu sử dụng đồ gỗ nội thất cao cấp.

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã có những chính sách nhằm khuyến khích và thúc đẩy việc xuất khẩu đồ gỗ ra thị trường thế giới. Những chính sách này góp phần rất lớn trong việc thúc đẩy triển vọng phát triển của ngành sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu các sản phẩm đồ gỗ. Thủ tướng chính phủ đã ban hành Thông tư 19/2004/CT-TTg nhằm triển khai một số giải pháp phát triển ngành chế biến gỗ và xuất khẩu sản phẩm gỗ.

Thị trường tiêu dùng đồ gỗ nội ngoại thất trong nước tăng bình quân hơn 15%/năm với các chủng loại sản phẩm đa dạng. Do vậy, ngành chế biến gỗ ngày càng phải sử dụng nhiều máy móc, công nghệ hiện đại để sản xuất ra sản phẩm đạt chất lượng cao, số lượng nhiều, độ chính xác tuyệt đối. Để theo kịp xu hướng đó, sắp tới Công ty sẽ đầu tư một nhà máy hiện đại đáp ứng đủ các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và tạo ra những sản phẩm ngày càng có giá trị.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành,

Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế trong nước và quốc tế, vào nhu cầu sử dụng các sản phẩm đồ gỗ cao cấp của người tiêu dùng, Công ty Đại Châu đặt ra mục tiêu tập trung vào hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm đồ gỗ nội thất cao cấp và hướng ra xuất khẩu. Định hướng này của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển chung của toàn ngành, với chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như xu thế phát triển chung trên thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Cơ cấu lao động trong Công ty

Tính đến thời điểm 31/12/2006, tổng số lao động của Công ty là 217 người.

Bảng 14: Cơ cấu lao động phân theo trình độ học vấn

STT	Trình độ học vấn	Số lượng (người)
1	Lao động có trình độ trên đại học	1
2	Lao động có trình độ đại học	26
3	Lao động có trình độ trung cấp	40
4	Lao động phổ thông	150
	Tổng cộng	217

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Châu)

9.2 Chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc

Người lao động trong Công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động. Người lao động được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định. Công ty thực hiện chế độ làm việc 5 ngày /tuần và 8 giờ/ngày.

Công ty thực hiện chế độ làm thêm giờ, chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ theo đúng Luật hiện hành.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty đang xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người, tạo được sự khuyến khích cán bộ công nhân viên của Công ty hăng say làm việc. Công ty thực hiện chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong thực hiện công việc đạt hiệu quả cao, có sáng kiến trong cải tiến phương pháp làm việc, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

Mức lương dự tính bình quân đầu người chưa bao gồm cả tiền ăn trưa và tiền bảo hiểm xã hội là: 1.500.000 đồng/người/tháng. Mức lương tối thiểu là 800.000 đồng, mức lương có thể trên 3.000.000 đồng đối với nhân viên kỹ thuật có trình độ tay nghề cao. Mức lương của cán bộ quản lý là từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng. Cán bộ, công nhân của nhà máy có thể ăn trưa tại nhà ăn của nhà máy. Nhà ăn được xây dựng sạch sẽ, sáng sủa, bài trí gọn gàng. Người lao động được hỗ trợ tiền ăn trưa.

Hàng năm Công ty đều mua bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên làm việc theo hợp đồng dài hạn theo quy định của nhà nước. Ngoài ra, Công ty sẽ trích quỹ phúc lợi để tổ chức đi tham quan, du lịch, khen thưởng và thăm nhân viên khi ốm đau.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Tuyển dụng:

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy thuộc vào từng vị trí đảm nhận mà có những tiêu chuẩn quy định phù hợp.

- Cán bộ quản lý: Tối thiểu tốt nghiệp cao đẳng, đại học về lĩnh vực kinh tế, xã hội, kỹ thuật. Cán bộ phòng Marketing và nghiệp vụ xuất nhập khẩu: Tốt nghiệp đại học các ngành liên quan, cần phải có kiến thức và kinh nghiệm về thương mại quốc tế.
- Cán bộ phòng hành chính tổ chức: Tốt nghiệp đại học, hiểu biết về luật lao động và thủ tục hành chính.
- Cán bộ phòng kỹ thuật: Tốt nghiệp đại học, cao đẳng các ngành kỹ thuật liên quan.
- Công nhân: Tốt nghiệp phổ thông cơ sở trở lên và có sức khỏe tốt và có khả năng làm việc theo ca, có ý thức kỷ luật lao động.

Đào tạo:

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là nắm bắt các yêu cầu về kỹ năng tác nghiệp đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001, kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đào tạo nhân viên mới: Sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc, ISO 9001.
- Đào tạo thường xuyên: căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện... Kết quả sau mỗi khoá học được báo cáo đầy đủ ngay để Công ty đánh giá hiệu quả của các phương pháp và hình thức đào tạo.

9.3 Chính sách cổ tức

Căn cứ theo điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

- Công ty phải đảm bảo sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các khoản nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả
- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới.
- Chính sách cổ tức của Công ty đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và khả năng mở rộng sản xuất và tăng trưởng trong tương lai.
 - + Mức trả cổ tức năm 2005 là 7%.
 - + Mức trả cổ tức năm 2006 là 12%.

10. Tình hình hoạt động tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán của Việt Nam.

10.1 Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Trích khấu hao tài sản cố định

Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định của Công ty hiện đang áp dụng theo phương pháp đường thẳng được quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8 năm
Máy móc thiết bị	6 - 10 năm

Mức thu nhập bình quân

Năm 2006, Công ty duy trì mức thu nhập bình quân của người lao động là 1.500.000 đồng/tháng. Dự kiến 2007, mức thu nhập bình quân đạt 2.000.000 đồng/tháng.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay đến hạn.

Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp khác theo đúng quy định của nhà nước.

Trích lập các quỹ theo luật định

Theo Điều lệ của Công ty, hàng năm lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các quỹ và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông. Mức trích lập các quỹ và mức chi trả cổ tức do HĐQT đề xuất và phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Tháng 3/2007, Đại hội đồng cổ đông thông qua việc trích lập các quỹ cho kết quả hoạt động năm 2006 như sau:

Bảng 15: Bảng kê việc trích lập quỹ năm 2006

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung trích lập	Phương pháp tính	Số tiền
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi	5% Lợi nhuận kế toán sau thuế	63.709.274
2	Quỹ đầu tư phát triển	15% Lợi nhuận kế toán sau thuế	191.127.821
3	Thanh toán cổ tức	12% Vốn điều lệ	972.000.000

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2006)

Tổng dư nợ vay:

Số dư các khoản vay và nợ ngắn hạn vào ngày kết thúc niên độ kế toán các năm như sau

Bảng 16: Tình hình vay và nợ ngắn hạn của Công ty từ năm 2005 đến Quý III/2007

Đơn vị: triệu đồng

STT	Đối tượng	31/12/2005	31/12/2006	31/09/2007
Vay và nợ ngắn hạn				
1	Chi nhánh NH ĐT&PT Hà Thành	12.517	12.631	7.644
Tổng cộng		12.517	12.631	7.644

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2005, 2006, BCTC 9 tháng đầu năm 2007)

Số dư các khoản vay và nợ dài hạn vào ngày kết thúc niên độ kế toán các năm tài chính như sau:

Bảng 17: Tình hình vay và nợ dài hạn của Công ty từ năm 2005 đến Quý III/2007

Đơn vị: triệu đồng

STT	Đối tượng	31/12/2005	31/12/2006	31/09/2007
1	Chi nhánh NH ĐT&PT Hà Thành	5.388	3.637	2.754
Tổng cộng		5.388	3.637	2.754

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2005, 2006 và BCTC 9 tháng năm 2007 của Công ty)

Bảng 18: Các khế ước vay dài hạn của Công ty

Tên khế ước	Ngày vay	Ngày đến hạn	Giá trị vay	Lãi suất (%/năm)	Kế hoạch trả lãi
12282370000162	12/12/2003	30/12/2007	127.810 (USD)	4,965	Trả gốc và lãi 6 tháng/1
12282000013360	30/06/2005	30/06/2009	5 tỷ (đồng)	10,2	lần vào ngày 30.

Các khoản phải thu

Số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc niên độ kế toán các năm tài chính như sau:

Bảng 19: Các khoản phải thu của Công ty qua các năm (2005 – Quý III/2007)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2005	31/12/2006	31/09/2007
Phải thu từ khách hàng	2.591	4.404	3.213
Trả trước cho người bán	2.313	-	1.920
Phải thu khác	1.603	249	220
Tổng	6.507	4.653	5.353

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2005, 2006 và BCTC 9 tháng năm 2007 của Công ty)

Phải thu của khách hàng năm 2006 tăng nhiều so với năm 2005 là do trong năm 2006 Công ty ký được nhiều hợp đồng lớn về thi công công trình nhưng do công trình chưa xong nên khách hàng chưa thanh toán tiền vì thế phải thu của khách hàng tăng.

Khoản trả trước cho người bán năm 2006 giảm đột biến so với năm 2005 vì: Nguyên vật liệu của Công ty dùng cho sản xuất năm 2006 chủ yếu được mua về từ năm 2004 và 2005 nên sang năm 2006 Công ty không phải trả trước tiền hàng cho người bán nữa.

Các khoản phải trả

Số dư các khoản phải trả vào ngày kết thúc niên độ kế toán các năm tài chính như sau:

Bảng 20: *Tình hình các khoản phải trả của Công ty qua các năm (2005 - QIII/2007)*

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2005	2006	9 tháng đầu năm 2007
1. Phải trả người bán	3.802	566	6.426
2. Người mua trả tiền trước	162	334	588
3. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	767	2.341	2.333
Trong đó:			
- Thuế GTGT		57	
- Thuế XNK	284	284	6
- Thuế TNDN	483	2.000	2.327
4. Các khoản phải trả khác	2.307	8.132	4.937
Trong đó:			
- Phải trả cổ tức	567	972	972
- Phải trả cho các cá nhân	1.740	7.160	3.965
Tổng	7.038	11.373	14.284

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2005, 2006 và BCTC 9 tháng năm 2007 của Công ty)

Trong năm 2006 Công ty phải vay cá nhân để thanh toán tiền hàng cho khách hàng và để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động vì thế khoản phải trả khác tăng lên đáng kể và làm giảm các khoản phải thanh toán cho khách hàng.

Khoản phải trả cổ tức năm 2005 và năm 2006 còn phải trả cho các cổ đông là do cổ đông chưa đến nhận.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tồn đến năm 2006 với tổng số tiền là: 2.000.274.514 đồng là do Công ty Đại Châu chưa thực hiện nộp thuế TNDN vào các năm 2004, 2005, 2006. Tuy

nhiên, đến thời điểm tháng 11/2007, Công ty đã thực hiện nộp đầy đủ các khoản thuế đã kê khai. Đối với khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2005, 2006 tăng thêm do xuất toán các khoản chi không có chứng từ..., Công ty cam kết sẽ nộp tiếp khi cơ quan thuế thực hiện quyết toán thuế.

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Bảng 21: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty (2005 - Quý III/2007)

Chỉ tiêu	2005	2006	9 tháng 2007
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,14	1,10	1.76
- Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,35	0,20	0.34
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần)	0,75	0,76	0,52
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	3,05	3,25	1,10
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	0,57	0,35	0,38
- Vòng quay khoản phải thu	1,94	2,02	3,12
- Vòng quay tài sản	0,41	0,33	0,37
Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	4,63	11,27	14,39
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	6,85	14,96	9,94
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	1,70	3,52	4,74
- Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần (%)	6,80	16,56	20,01

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2005, 2006 và BCTC 9 tháng 2007 của Công ty)

Các chỉ số tài chính cho thấy tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty tương đối biến động qua hai năm 2005 và 2006. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán giảm do sự gia tăng các

khoản Thuế và các khoản phải nộp nhà nước và các khoản phải trả, phải nộp khác. Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn gia tăng chủ yếu do sự gia tăng về các khoản nợ ngắn hạn. Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động giảm do sự gia tăng về lượng hàng tồn kho và giảm sút sản lượng do ảnh hưởng của trạm điện. Tuy nhiên các chỉ tiêu về khả năng sinh lợi đều tăng nhờ nguồn nguyên liệu rẻ còn tồn từ những năm trước và sự gia tăng về giá bán sản phẩm trên thị trường

10.2 Giải trình sự chênh lệch giữa khoản mục lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong Báo cáo kết quả kinh doanh và trong khoản mục 5.13 Thuyết minh báo cáo tài chính của Báo cáo tài chính năm 2006

Đơn vị: đồng

TÊN KHOẢN MỤC	Báo cáo kết quả kinh doanh (1)	Mục 5.13 Thuyết minh Báo cáo tài chính (2)	Chênh lệch (2-1)
Lợi nhuận trước thuế TNDN	1.844.993.423	5.519.198.272	3.674.204.849
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	572.385.358	1.545.375.516	972.990.158

Giải trình:

Có sự chênh lệch về lợi nhuận trước thuế TNDN trong Báo cáo kết quả kinh doanh và trong khoản mục 5.13 Thuyết minh báo cáo tài chính của Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2006 là do phát sinh khoản chi phí không hợp lệ (3.674.204.849 đồng) làm tăng lợi nhuận. Các khoản chi phí không hợp lệ bao gồm:

- + Chi phí chứng từ không hợp lệ 184.440.000 đồng
- + Chi phí khấu hao TS mua của Cty Phát Đạt bỏ trốn 14.800.000 đồng
- + Chi phí vật tư không có hóa đơn, chứng từ hợp lý 3.474.964.849 đồng

Các khoản chi phí này vẫn được tính trong lợi nhuận kế toán trước thuế trong Báo cáo kết quả kinh doanh nhưng không được tính trong chi phí làm tăng lợi nhuận chịu thuế TNDN.

Do có sự chênh lệch về lợi nhuận trước thuế này dẫn đến sự chênh lệch về thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là 972.990.158 đồng. Đối với khoản thuế thu nhập phát sinh tăng này, Công ty truy thu từ cá nhân ông Đường Đức Hóa - Giám đốc Công ty dưới hình thức khấu trừ vào khoản nợ phải trả của Công ty đối với ông Hóa trong năm 2006 và Công ty cam kết sẽ nộp khi thực hiện quyết toán thuế. Chi tiết phát sinh được thể hiện như sau:

Tài khoản 1388 - Phải thu khác của ông Đường Đức Hóa	
Số dư tại ngày 01/01/2006	1,602,561,250
Số phát sinh trong năm : Các khoản mua không có hóa đơn chứng từ hợp lệ -> Quy trách nhiệm cho ông Đường Đức Hóa	972,990,158
Tổng cộng	2,575,551,408

Tài khoản 3388 - Phải trả khác cho ông Đường Đức Hóa	
Số dư tại ngày 01/01/2006	0
Số phát sinh trong năm 2006	5,264,360,946
Bù trừ phải thu ông Đường Đức Hóa	2,575,551,408
Số dư tại ngày 31/12/2006	2,688,809,538

11. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

11.1 Hội đồng Quản trị

1. Họ và tên: ĐƯỜNG ĐỨC HÓA

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 24/7/1958
- Nơi sinh : Hà Tĩnh
- CMND : 011604166 do công an Hà Nội cấp ngày 14/8/2003
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hương Khê, Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú : 40 Phạm Huy Thông, Phường Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại liên lạc : 04.7194353
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế, ngoại ngữ.
- Quá trình công tác:

- Từ 1975-1985 : Học tập và công tác tại Tiệp Khắc
- Từ 1985-1992 : Công tác tại Bộ Công an Hà Nội
- Từ 1992-1993 : Phó Giám đốc Công ty Hải Âu- Hà Nội
- Từ 1993-1995 : Giám đốc khách sạn EDEN
- Từ 1995-1998 : Giám đốc khách sạn EDEN kiêm Giám đốc khách sạn Thiên Đường - 2 Phan Đình Phùng - Hà Nội
- Từ 1998- 2007 : Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần EDEN 78 Thợ Nhuộm - Hà Nội.
- Từ 2000 đến nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đại Châu, tổ 23 cụm 4 phường Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội.
- Chức vụ hiện tại : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đại Châu
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP EDEN
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 420.000 cổ phần, chiếm 21% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan:
 - Vợ: Trần Thị Ánh Nguyệt
Số cổ phần nắm giữ: 182.400 cổ phần, chiếm 9,12% vốn điều lệ
 - Em trai: Đường Đức Thắng
Số cổ phần nắm giữ: 700 cổ phần, chiếm 0,035% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết : Không

2. Họ và tên: **TRẦN THỊ ÁNH NGUYỆT**

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 18/4/1964
- Nơi sinh : Vinh
- CMND : 011123393 do công an Hà Nội cấp ngày 14/8/2003
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Quê quán :Nghị Xuân, Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú :40 Phạm Huy Thông, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại liên lạc :04.9281679
- Trình độ văn hoá :12/12
- Trình độ chuyên môn :Thạc sỹ y khoa
- Quá trình công tác:
 - Từ 1994 - 1999 :Nhân viên phòng kinh doanh-Công ty Dược phẩm thiết bị Y tế Hà Nội.
 - Từ 1999 - nay :Phòng khám đa khoa, 98 Hàng Buồm, Hà Nội
- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Đại Châu
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc phòng khám đa khoa 98 Hàng Buồm - Công ty Cổ phần dược phẩm thiết bị y tế Hà Nội.
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 182.400 cổ phần, chiếm 9,12% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan:
 - Ông: Đường Đức Hoá
Số cổ phần nắm giữ: 420.000 cổ phần, chiếm 21% vốn điều lệ
 - Chị: Trần Thị Kim Ngân
Số cổ phần nắm giữ: 200 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

3. Họ và tên: **NGUYỄN THỊ DÂN**

- Giới tính :Nữ
- Ngày tháng năm sinh :19/08/1949
- Nơi sinh :Xã Xuân Lũng huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
- CMND :130252458 do công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 01/11/2001
- Quốc tịch :Việt Nam
- Dân tộc :Kinh

- Quê quán :Xã Xuân Lũng huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú :12/70/53 Văn Hương, Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại liên lạc : 04.5113163/04.7194353
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính kế toán
- Quá trình công tác:
 - Từ 1969 -1999 :Kế toán Sở xây dựng Vĩnh Phú
 - Từ 2000-2007 :Kế toán trưởng Công ty Văn hoá Hà Nội
 - Từ 2007 đến nay :Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đại Châu
- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đại Châu
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Sở hữu cổ phần cá nhân: 15.000 cổ phần, chiếm 0,75% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

4. Họ và tên: **ĐUỜNG NGỌC DỮNG**

- Giới tính :Nam
- Ngày tháng năm sinh :08/05/1976
- Nơi sinh :Hương Long, Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
- CMND :183033479 do công an Hà Tĩnh cấp ngày 31/08/2006
- Quốc tịch :Việt Nam
- Dân tộc :Kinh
- Quê quán :Thị trấn Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú :Số nhà 21 – 173/134 Hoàng Hoa Thám
- Điện thoại liên lạc :04.7194353
- Trình độ văn hoá :12/12

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 1999 đến nay: Công ty Cổ phần Đại Châu
- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc nhà máy Công ty Cổ phần Đại Châu
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần, chiếm 0,5% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

5. Họ và tên: **NGUYỄN ĐỨC NĂNG**

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 12/09/1965
- Nơi sinh : Hà Nội
- CMND : 011755738
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Đông Dư, Gia Lâm, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : 118 tập thể thiết bị điện ảnh – 328 Nguyễn Trãi- Thanh Xuân- Hà Nội
- Điện thoại liên lạc : 04.7183635
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 1983-1998: Nhân viên xí nghiệp thiết bị điện ảnh Hà Nội
 - Từ 1999-nay: Công ty Cổ phần Đại Châu.

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Châu
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần, chiếm 0,5% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

11.2 Ban Kiểm soát

1. Họ và tên: **TRẦN THỊ AN**

- Giới tính :Nữ
- Ngày tháng năm sinh :07/06/1979
- Nơi sinh :Huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây
- CMND :111455459 công an Hà Tây cấp ngày 05/12/2005
- Quốc tịch :Việt Nam
- Dân tộc :Kinh
- Quê quán :Huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây
- Địa chỉ thường trú :Thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.
- Điện thoại liên lạc :04.7194353
- Trình độ văn hoá :12/12
- Trình độ chuyên môn :Cử nhân Ngoại ngữ
- Quá trình công tác:
 - Từ 2004 đến 2007: giáo viên trường Đại học ngoại ngữ Quốc gia Hà Nội.
 - Từ 2007 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đại Châu.
- Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

2. Họ và tên: **ĐẶNG THANH NGÀ**

- Giới tính :Nữ
- Ngày tháng năm sinh :08/04/1978
- Nơi sinh :Hà Nam
- CMND :011939634, Công an Hà Nội cấp ngày 10/04/1996
- Quốc tịch :Việt Nam
- Dân tộc :Kinh
- Quê quán :Bình Lục, Hà Nam
- Địa chỉ thường trú :34 Ngõ 71 Tân Ấp- Phúc Xá- Ba Đình – Hà Nội
- Điện thoại liên lạc :04.7194353
- Trình độ văn hoá :12/12
- Trình độ chuyên môn :Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 2000-2006: Kế toán Công ty TNHH Nhựa và cơ khí Hồng Hải
 - Từ 12/2006 - 02/2007: Kế toán Công ty Cổ phần Đại Châu
 - Từ 03/2007- nay: Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhân viên hành chính Công ty Cổ phần Đại Châu.
- Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhân viên hành chính Công ty Cổ phần Đại Châu
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần, chiếm 0,25% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

3. Họ và tên: **ĐUỜNG LAN PHƯƠNG**

- Giới tính :Nữ
- Ngày tháng năm sinh :20/10/1981
- Nơi sinh :Nông trường Thạch Ngọc, Thạch Hà, Hà Tĩnh
- CMND :183227653
- Quốc tịch :Việt Nam
- Dân tộc :Kinh
- Quê quán :Hương Long. Hương Khê, Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú :Thôn Ngọc Hồi, xã Ngọc Sơn, Thạch Hà, Hà Tĩnh
- Điện thoại liên lạc :04.7194353
- Trình độ văn hoá :12/12
- Trình độ chuyên môn :Kế toán
- Quá trình công tác:
 - Từ 05/2006 – 02/2007: Kế toán Công ty Cổ phần Đại Châu
 - Từ tháng 03/2007 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhân viên hành chính Công ty Cổ phần Đại Châu
- Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhân viên hành chính Công ty Cổ phần Đại Châu
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 500 cổ phần, chiếm 0,025% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

11.3 Ban Giám đốc

1. Họ và tên: **ĐUỜNG ĐỨC HÓA - Tổng Giám đốc** (Xem mục Hội đồng quản trị)
2. Họ và tên: **NGUYỄN ĐỨC NĂNG - Phó Tổng Giám đốc** (Xem mục Hội đồng quản trị)

11.4 Kế toán trưởng

Họ và tên : **NGUYỄN THỊ DÂN - Kế toán trưởng** (Xem mục Hội đồng quản trị)

12. Tài sản**Bảng 22: Một số tài sản chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2006**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
I	Tài sản hữu hình			
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	5.740	4.849	84.48
2	Máy móc thiết bị	6.275	3.711	59.14
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	235	183	77.55
4	Tài sản cố định khác	366	216	59.07

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2006 của Công ty)

Tình hình sử dụng đất đai, của Công ty tại thời điểm 31/12/2006**Bảng 23: Bảng kê đất đai sử dụng tại thời điểm 31/12/2006**

STT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Thời điểm bắt đầu thuê	Thời hạn (năm)	Loại hình
1	Trụ sở	200 m ²	01/02/2003	20 năm	Thuê
2	Nhà xưởng	5.097 m ²	01/02/2003	20 năm	Thuê
3	Kho bãi	500 m ²	01/02/2003	5 năm	Thuê

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Châu)

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2007-2009**13.1 Phân tích SWOT****Điểm mạnh**

- Bộ máy cán bộ quản lý, điều hành Công ty có nhiều năm kinh nghiệm điều hành và quản lý trong ngành khai thác và chế biến gỗ.

- Mô hình quản lý hiện tại của Công ty đã và đang vận hành có hiệu quả. Công ty thực hiện tốt cơ chế khoán - quản, thưởng - phạt rõ ràng, chế độ trách nhiệm của Giám đốc, các cán bộ quản lý chủ chốt để vừa khuyến khích người lao động làm việc có năng suất, chất lượng và hiệu quả nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty nâng cao hơn nữa.
- Công ty có lợi thế lớn về nguồn nguyên liệu với các nhà cung cấp tại các trung tâm khai thác gỗ lớn như Quảng Bình, Quảng Trị, Hà Tĩnh, Nghệ An ...
- Nhận thức của cán bộ công nhân viên về Công ty Cổ phần được nâng cao, ý thức bảo vệ tài sản Công ty cũng như các bí mật kinh doanh được cán bộ công nhân viên quán triệt với sự đồng thuận sâu sắc.
- Công ty đang có kế hoạch mở rộng hơn nữa quy mô và ngành nghề kinh doanh. Trong thời gian đầu Công ty phát huy tối đa các ngành nghề truyền thống như sản xuất chế biến gỗ làm cơ sở cho sự hình thành và phát triển các ngành nghề mới như: Khách sạn bất động sản, kinh doanh các sản phẩm nội thất cao cấp nhập ngoại, đầu tư xây dựng khu chung cư cao cấp, xây dựng trung tâm thương mại và một số ngành nghề khác.
- Hiện nay Công ty có các văn phòng đại diện tại trung tâm các thành phố lớn trong nước như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và ngoài nước như Osaka (Nhật Bản), New York (Mỹ), Quảng Châu (Trung Quốc)

Điểm yếu

- Thiếu hụt cán bộ giỏi, nòng cốt cũng như những cán bộ đầu ngành cho những lĩnh vực, ngành nghề mới mà Công ty đang triển khai.
- Kết quả kinh doanh chưa tăng trưởng ổn định và bền vững do trong giai đoạn đầu tư mở rộng.

Cơ hội

- Việt Nam đã là thành viên của Tổ chức thương mại Thế giới (WTO), vì thế nền kinh tế Việt Nam đang trên đà tăng trưởng khá nhanh và ổn định, đồng thời tạo thế và lực cho các doanh nghiệp Việt Nam, tránh tình trạng phân biệt đối xử, được hưởng những ưu đãi và mở rộng thị trường.
- Chính sách của nhà nước ngày càng thông thoáng cho hoạt động của các doanh nghiệp.
- Thị trường tiêu dùng đồ gỗ nội ngoại thất cũng như thị trường bất động sản ngày càng được mở rộng.
- Hiện nay, các sản phẩm đồ gỗ của Việt Nam có mặt ở trên 100 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, với các chủng loại sản phẩm đa dạng.

- Nhu cầu tiêu thụ các mặt hàng đồ gỗ trang trí nội thất trong nước tăng bình quân hơn 15%/năm (so với thế giới là khoảng 8%/năm).
- Định hướng phát triển của thị trường đồ gỗ Việt Nam trong tương lai là tiếp tục duy trì, phát triển các thị trường truyền thống. Bên cạnh đó tiếp cận nhanh và phát triển mạnh một số thị trường mục tiêu, có nền kinh tế phát triển ổn định, sức mua và nhu cầu tiêu dùng tăng cao, các thể chế về kinh doanh thương mại hoàn thiện như EU, Nhật Bản, Mỹ...

Thách thức

- Việc gia nhập WTO cũng là thách thức khi Công ty phải cạnh tranh trực tiếp và bình đẳng với các Công ty lớn trên thế giới ngay tại thị trường trong nước.
- Công ty đang phải đối mặt với sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp lớn trong nước.

13.2 Mục tiêu chiến lược của Công ty

Công ty gỗ Đại Châu là một trong những Công ty hàng đầu chuyên sản xuất đồ gỗ cao cấp phục vụ trong nước và xuất khẩu. Với dây chuyền máy móc công nghệ hiện đại được nhập khẩu từ Nhật Bản, Ý, Đài Loan và với hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, thương hiệu gỗ Đại Châu ngày càng có uy tín ở thị trường trong và ngoài nước. Năm 2007, Công ty đề ra những mục tiêu chiến lược bao gồm:

- **Ổn định bộ máy tổ chức quản lý, duy trì hệ thống quản lý ISO:** tận dụng tối đa mặt bằng và nguyên vật liệu sẵn có để sản xuất các sản phẩm là truyền thống như ván sàn, khung cửa, cánh cửa, giường, tủ, bàn ghế, thiết bị trang trí nội ngoại thất và văn phòng cao cấp cung cấp cho các khách sạn lớn, các chung cư cao cấp và các khu biệt thự sang trọng. Kế hoạch doanh thu năm 2007 là 35 tỷ đồng.
- **Đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng truyền thống xuất khẩu** cho các đối tác chiến lược, khách hàng truyền thống và các khách hàng mới với các thị trường như Nhật Bản, Mỹ và Châu Âu. Chính vì vậy, Công ty phải đầu tư thêm hai nhà máy mới với máy móc hiện đại và công nghệ tiên tiến để đáp ứng các hợp đồng xuất khẩu ngày càng lớn.
- Cuối năm 2007 và đầu năm 2008, Công ty đầu tư thêm một nhà máy chuyên sản xuất sơ chế phiêu gỗ tại Hải Dương với tổng đầu tư là 1 triệu USD, diện tích 1ha. Công ty tiếp tục đầu tư thêm nhà máy thứ hai tại khu công nghiệp Quang Minh chuyên sản xuất các sản phẩm tinh chế để xuất khẩu với tổng đầu tư là 2 triệu USD, diện tích là 2 ha.
- Công ty cũng đang phát triển mảng kinh doanh sản phẩm nội thất cao cấp tại Trung tâm giới thiệu và bán sản phẩm 106 Giảng Võ – Hà Nội, chuyên nhập khẩu và phân phối sản phẩm nội thất từ các nước như Mỹ, Đức, Trung Quốc ... ra các tỉnh thành trong cả nước.

- Năm 2008, Công ty sẽ thành lập thêm Công ty con DAICHAU USA tại Bang California (Mỹ), duy trì và mở thêm các văn phòng đại diện tại Osaka (Nhật Bản), NewYork (Mỹ), Seoul (Hàn Quốc), Berlin (Đức), Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng để cung cấp nguyên vật liệu và bao tiêu sản phẩm nhằm tăng doanh thu năm sau cao hơn năm trước khoảng 2,5 lần.

Với đội ngũ các nhà lãnh đạo và quản lý được đào tạo chuyên nghiệp và hàng trăm công nhân với tay nghề cao, Công ty Đại Châu quyết tâm thực hiện đầy đủ các mục tiêu chiến lược đã đề ra theo đúng tiến độ.

13.3 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Bảng 24: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức thời kỳ 2007 - 2009

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
	Giá trị (Triệu đồng)	% tăng (giảm) so với năm 2006	Giá trị (Triệu đồng)	% tăng (giảm) so với năm 2007	Giá trị (Triệu đồng)	% tăng (giảm) so với năm 2008
Doanh thu thuần	35.000	210	85.000	143	130.000	53
Lợi nhuận sau thuế	5.292	316	14.220	169	21.960	54
Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần	15,12 %		16,7%		16,9%	
Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu	26,46%		28,4%		27,5%	
Vốn điều lệ (Triệu đồng)	20.000	147	50.000	150	80.000	60
Tỷ lệ cổ tức	16%		18%		20%	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Châu)

Căn cứ để đạt được kế hoạch về lợi nhuận và cổ tức nói trên**Bảng 25: Các hợp đồng bán hàng đã ký kết và đang thực hiện***Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Tên khách hàng	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Chủng loại sản phẩm cung cấp	Giá trị hợp đồng
1	Công ty TNHH Hương Hải	15/07/HĐ/ĐC	06/05/2007	Đồ gỗ nội thất	1.152
		31/07/HĐ/ĐC	06/06/2007		
		25/07/HĐ/ĐC	15/05/2007		
2	Công ty TNHH Ladeco	34B/07/HĐ/ĐC	01/07/2007	Bàn ghế, đồ nội thất, gỗ thành khí, cửa gỗ các loại	337
3	Công ty Dainihon Wood Preseving.,LTD, Japan.	01-0507-DC/DMB	01/05/2007	Ván sàn	3.396
4	Số 6 Trích Sài - Tây Hồ, Hà Nội	17/07/HĐ/ĐC	20/04/2007	Đồ gỗ nội thất	436
5	B30-BT4 Khu đô thị Mỹ Đình 2	22/07/HĐ/ĐC	04/05/2007	Đồ gỗ nội thất	372
6	Công ty TNHH TM&DV Du thuyền Hạ Long	26/07/HĐ/ĐC	25/05/2007	Đồ gỗ nội thất, khuôn, cửa, nẹp khuôn	1.789
		01/PLHĐ/ĐC	09/07/007		
7	New McCreed Int'l Inc.	08/2007/DC-New	20/08/2007	Ván sàn gỗ sồi trắng và sồi đỏ	65.372
8	Tien Thanh LLC.	08/2007/DC-TT	25/08/2007	Giường gỗ	16.460
9	Alpac Japan	09/2007/DC-ALP	09/09/2007	Gỗ ghép tấm vườn trồng	33.570

Ghi chú: Các hợp đồng của Công ty ký với New McCreed Int'l Inc. và Tien Thanh LLC. có thời hạn trong 10 năm.

Bảng 26: Danh sách các dự án đầu tư

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Công suất	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2007	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2008	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2009
1	Đầu tư trung tâm thương mại ở 106 Giảng Võ	-	8.000	8.000	-	-
2	Xây dựng nhà máy sản xuất ván sàn xuất khẩu ở Xã Nam Đồng – Đông Anh – Hà Nội	320 m ³ /tháng	30.000	30.000	-	-

- Bên cạnh đó Công ty đã ký kết với đối tác Trung Quốc về việc nhập hàng nội thất cao cấp về tiêu thụ tại Việt Nam.
- Triển vọng của ngành đồ gỗ nội thất cao cấp: đây là một trong những ngành đang phát triển rất nhanh với mức cầu của thị trường không ngừng tăng nhằm đáp ứng với tốc độ tăng trưởng cao của nền kinh tế. Thêm vào đó, trong những năm gần đây, Việt Nam có những chính sách nhằm khuyến khích và thúc đẩy việc xuất khẩu đồ gỗ ra thị trường thế giới. Những chính sách này là một tác nhân rất lớn thúc đẩy triển vọng phát triển của ngành sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu các sản phẩm đồ gỗ.

Tính đến Quý III/2007, doanh thu của Công ty mới đạt được 45% và lợi nhuận đạt được 42% so với kế hoạch đặt ra của cả năm 2007 là do:

- Các công trình thường ký vào đầu năm và đến cuối năm mới hoàn thành, thanh quyết toán và có doanh thu.
- Các hợp đồng xuất khẩu với Mỹ đã ký nhưng đang chuẩn bị nguyên vật liệu và cuối năm mới xuất hàng được.
- Công ty cũng mới ký kết các hợp đồng trong nước có giá trị cao như : Hợp đồng với công ty LADECO, hợp đồng với công ty Hương Hải.....
- Ngoài ra Công ty đã mở Showroom ở Giảng Võ để bán đồ nội thất và dự kiến sẽ đem lại doanh thu vào cuối năm.

Với những nguyên nhân trên, doanh thu và lợi nhuận của Công ty sẽ chủ yếu tập trung vào Quý IV.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã thu thập các thông tin, tiến hành các đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đại Châu cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Xét trên các hợp đồng lớn mà Công ty vừa ký kết, SSI nhận thấy kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty có tính khả thi. Tuy nhiên tính khả thi này chỉ có thể có được nếu không có những biến động ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của doanh nghiệp cụ thể như khả năng thực hiện các hợp đồng lớn của doanh nghiệp. Công ty đưa ra tỷ lệ cổ tức tăng dần qua các năm, đạt 16% năm 2007, 18% năm 2008, 20% năm 2009. Những nhận xét trên chỉ mang tính tham khảo mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

15. Các thông tin, các tranh chấp, kiện tụng liên quan đến Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**1. Loại chứng khoán**

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

2.000.000 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết

Cổ đông sáng lập

Các cổ đông sáng lập đã hết thời gian bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật khi thực hiện niêm yết: 643.900 cổ phiếu

Quy định về hạn chế chuyển nhượng: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo .

5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách của cổ phiếu được tính theo công thức:

= (Vốn chủ sở hữu - Quỹ khen thưởng, phúc lợi)/Tổng số cổ phiếu đang lưu hành

- Tại thời điểm 31/12/2006, giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty CP Đại Châu là $(8.509.287.674 - 96.313.157)/8.100 = 1.038.600$ đồng/cổ phiếu (làm tròn).
(Năm 2006 mệnh giá cổ phiếu của Công ty là 1.000.000 đồng/cổ phiếu)
- Tại thời điểm 30/09/2007, giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty CP Đại Châu là $(22.570.677.842 - 14.313.157)/2.000.000 = 11.300$ đồng/cổ phiếu (làm tròn).

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Căn cứ theo Quyết định số : 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/09/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, các tổ chức, cá nhân nước ngoài được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đại Châu được đăng ký niêm yết tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

7. Các loại thuế có liên quan

Các loại thuế liên quan Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo đúng các qui định của pháp luật.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp : 28%

Thuế GTGT : Công ty áp dụng luật thuế GTGT hiện hành

Thuế suất áp dụng : + Doanh thu hàng XK : 0%
+ Doanh thu hàng trong nước : 10%

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức kiểm toán

Công ty Công ty Kiểm toán A&C (Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tại Hà Nội)

Địa chỉ: 877, Đường Hồng Hà, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (04) 9324133 – Fax: (04) 9324113

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

➤ *Trụ sở chính*

Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08-8242897

Fax: 08-8247430

Email: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

➤ *CN Nguyễn Công Trứ - Công ty Chứng khoán Sài Gòn*

180-182 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: 08.821567

Fax: 08.2910590

➤ *CN Công ty Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội*

1C Ngô Quyền – Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: 04.9366321

Fax: 04.9366311

➤ *CN Trần Bình Trọng – Công ty Chứng khoán Sài Gòn*

25 Trần Bình Trọng – Hoàn Kiếm – Hà Nội

ĐT: 04. 9426718

Fax: 04. 9426719

➤ *CN Hải Phòng - Công ty Chứng khoán Sài Gòn*

22 Lý Tự Trọng - quận Hồng Bàng - Hải Phòng

ĐT: 031.3569123

Fax: 031.3569130

VII. PHỤ LỤC

- **Phụ lục 1:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- **Phụ lục 2:** Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua việc sửa đổi Điều lệ; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty
- **Phụ lục 3:** Các báo cáo tài chính kiểm toán năm 2005 và năm 2006; Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2007 và báo cáo tài chính quý III/2007; Báo cáo kiểm toán vốn điều lệ
- **Phụ lục 4:** Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát
- **Phụ lục 5:** Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua niêm yết;
- **Phụ lục 6:** Sổ đăng ký cổ đông
- **Phụ lục 7:** Cam kết nắm giữ của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát
- **Phụ lục 8:** Cam kết của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn không chuyển nhượng trong quá trình thẩm định hồ sơ
- **Phụ lục 9:** Hợp đồng tư vấn niêm yết.
- **Phụ lục 10:** Giấy ủy quyền nhân viên công bố thông tin và quy trình nội bộ về công bố thông tin
- **Phụ lục 11:** Tài liệu về đợt phát hành: Quyết định của HĐQT, Quyết định của Tổng giám đốc, Danh sách phát hành
- **Phụ lục 12:** Danh sách thành viên chủ chốt và người có liên quan của tổ chức niêm yết
- **Phụ lục 13:** Các tài liệu khác

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2007

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC**

Đường Đức Hóa

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Nguyễn Thị Dân

Trần Thị An